

**ĐỀ ÁN**

**Một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp,  
nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh  
trên địa bàn huyện giai đoạn 2019-2020**

**A. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**

**1. Sự cần thiết**

Các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trong những năm qua đã phát huy tác dụng, góp phần phát triển nâng cao giá trị sản xuất trong nông nghiệp, nâng cao thu nhập cải thiện đời sống vật chất cho người dân. Tuy vậy, việc hấp thụ các chính sách trong thời gian còn thấp, chưa tạo động lực lớn thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

Để thực hiện thành công Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 30/3/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nghi Xuân về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020; Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nhằm khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, từng bước chuyển dịch từ nền sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, manh mún sang nền nông nghiệp hàng hóa, tập trung, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện đời sống cho người dân, đảm bảo an sinh xã hội và môi trường sinh thái trên địa bàn thì việc tiếp tục ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2019-2021 là hết sức cần thiết.

**2. Cơ sở pháp lý**

Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về khuyến nông;

Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 19/5/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Quyết định 1373/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với phát triển bền vững;

Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 30/3/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nghi Xuân về tập trung lãnh đạo chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nghi Xuân giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 30/12/2013 của HĐND huyện về việc thông qua Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 18/12/2013 của UBND huyện về Phát triển đánh bắt, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản huyện Nghi Xuân giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020;

Nghị quyết số 52/2013/NQ-HĐND ngày 30/12/2013 của HĐND huyện về việc Thông qua Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 18/12/2013 của UBND huyện về Phát triển chăn nuôi tập trung vùng ven chân núi Hồng Lĩnh giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020.

## **B. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÓ HIỆU QUẢ TRONG THỜI GIAN QUA.**

### **I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

#### **1. Kết quả sản xuất nông nghiệp**

Trong những năm qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, suy thoái kinh tế... nhưng sản xuất nông nghiệp huyện nhà vẫn đạt được nhiều kết quả trên tất cả các lĩnh vực: Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản bình quân giai đoạn 2016 - 2018 đạt 5,71%/năm.

Kết quả sản xuất nông nghiệp: Năm 2018 tổng diện tích gieo trồng các loại cây trồng chính đạt 8.499 ha. Trong đó diện tích sản xuất lúa 3.937 ha, năng suất đạt 48,73 tạ/ha (tăng 3,55 tạ/ha so với năm 2015), sản lượng 19.185 tấn (tăng 1.284 tấn so với năm 2015); diện tích sản xuất lạc 1.909 ha, năng suất 27,77 tạ/ha (tăng 2,39 tạ/ha so với năm 2015), sản lượng 5.300 tấn (tăng 163 tấn so với năm 2015). Cơ cấu mùa vụ đã có sự chuyển dịch cơ bản bỏ trà xuân sớm, giảm dần trà xuân trung, tăng mạnh trà xuân muộn; bộ giống được cơ cấu theo hướng đưa các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất nên hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích cao hơn so với những năm trước như giống lúa (X28, Thiên ưu 8, P6, BTE1, TH3-3, Nếp 98, ĐT52 ...), lạc (L14, L23, TK10 ...). Năm 2018 sản lượng lương thực có hạt đạt 20.739 tấn (tăng 2.501 tấn so với năm 2015). Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt 85 triệu đồng/ha (tăng 23 triệu đồng/ha so với năm 2015).

Lĩnh vực chăn nuôi: Từng bước chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo hướng hàng hóa: Đàn lợn 18.457 con tương đương cùng kỳ năm 2015; đàn trâu, bò: 12.247 con (giảm 5.000 con so với năm 2015); đàn gia cầm:

565.190 con (tăng 26.980 con so với năm 2015). Chất lượng giống vật nuôi được cải thiện, đã du nhập được nhiều giống mới vào sản xuất, như: Lợn siêu nạc, gà, vịt siêu thịt, siêu trứng, ngan Pháp...; công tác cải tạo đàn bò theo hướng lai Zêbu, lai tạo bò chất lượng cao được đẩy mạnh, nhờ đó tỷ lệ bò lai từ 41% tổng đàn năm 2015, tăng lên 54,33% năm 2018.

Lĩnh vực thủy sản: Nuôi trồng thủy sản đã có những bước phát triển, tăng cả về diện tích, quy mô và năng suất nuôi. Tổng diện tích nuôi trồng 757 ha, trong đó diện tích nuôi mặn lợ 457 ha, trong đó 97 ha nuôi tôm công nghiệp cho năng suất cao (10 - 15 tấn/ha/vụ).

Đánh bắt, chế biến thủy sản: Tổng số tàu thuyền đánh bắt hải sản trên địa bàn huyện 936 chiếc. Số lượng tàu đánh bắt xa bờ tăng nên sản lượng đánh bắt tăng nhanh, bình quân đạt 8.618 tấn/năm. Đã đóng mới 06 tàu vỏ thép công suất trên 800 CV/chiếc để đánh bắt xa bờ theo Nghị định 67 của Chính phủ. Chế biến thủy sản hàng năm đạt từ 1.100 - 1.200 tấn thương phẩm như nước mắm, ruốc....

Kết quả xây dựng mô hình: Trong hai năm (2016 – 2018) đã xây dựng thêm 196 mô hình sản xuất doanh thu đạt trên 100 triệu đồng/năm. Trong đó 27 mô hình lớn doanh thu trên 1 tỷ đồng/năm, 49 mô hình vừa doanh thu từ 501 triệu đồng đến 1 tỷ đồng/năm, 120 mô hình nhỏ doanh thu 100 triệu đến 500 triệu đồng/năm; nâng tổng số mô hình trên địa bàn toàn huyện đạt 694 mô hình.

Các hình thức tổ chức sản xuất liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp ngày càng được mở rộng, hoạt động có hiệu quả và có tính bền vững như: Các mô hình chăn nuôi lợn liên kết; nuôi tôm trên cát, rau củ quả công nghệ cao...

Ứng dụng tiến bộ KHKT: Trong 5 năm qua huyện đã quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ KHKT về giống, kỹ thuật sản xuất thâm canh trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, góp phần tăng năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế trên đơn vị diện tích canh tác như: Khảo nghiệm đưa vào sản xuất các giống lúa mới: Thiên ưu 8, TH3-3, BTE1, BQ, BT09, Kim cương 111; giống lạc mới: L27, TK10; khoai KTB3, KTB4, HL516.... Xây dựng cánh đồng mẫu lớn sử dụng cùng một giống lúa, áp dụng cùng một quy trình thâm canh cho hiệu quả cao như: Mô hình lúa TH 3-3, Thiên ưu 8, BT09.

Công tác cải tạo đàn bò được đẩy mạnh, tỷ lệ bò lai sind chiếm trên 54,33% tổng đàn... đưa giống tôm thẻ vào nuôi và ứng dụng các hình thức nuôi mới như nuôi tôm công nghiệp trải bạt cho năng suất đạt 7 - 8 tấn/ha/vụ; nuôi tôm trên cát công nghệ cao cho năng suất 12- 15 tấn/ha/vụ; nuôi thí điểm cá Hồng Mỹ, cá chép giòn.

Cơ giới hóa các khâu làm đất, thu hoạch lúa, chế biến nông sản đang trên đà phát triển mạnh. Đến nay tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất đạt trên 80%, khâu thu hoạch đạt trên 70%.

**2. Kết quả thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp**

- Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết 32/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh với tổng số tiền được hỗ trợ theo chính sách đến tháng 10 năm 2018 là 5.000.355.000 đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh: 4.553.355.000 đồng, ngân sách huyện: 447.000.000 đồng.

- Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐND ngày 01/7/2016 của Hội đồng nhân dân huyện với tổng số tiền được hỗ trợ theo chính sách đến tháng 10 năm 2018 là 3.024.000.000 đồng, trong đó: Ngân sách huyện: 2.416.800.000 đồng, ngân sách xã 604.200.000 đồng.

*(có phụ lục kèm theo)*

### **3. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp**

- Hệ thống giao thông: Đường nội đồng, đường vào các khu sản xuất tập trung từng bước được đầu tư xây dựng, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất của người dân (đã kiên cố hoá thêm 41,7 km đường nội đồng, 16,5 km đường vào các vùng sản xuất, chăn nuôi tập trung).

- Hệ thống thủy lợi: Công tác thủy lợi tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất và sinh hoạt và phòng chống thiên tai. Trong 3 năm gần đây đã nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới 05 hồ đập, đến nay toàn huyện có 17 hồ chứa với tổng dung tích 10.450.000 m<sup>3</sup>, đáp ứng cung cấp nước cho trên 30% diện tích tưới, 5 trạm bơm điện, 24 cống chính thủy lợi; kiên cố hóa 25,4 km kênh mương.

## **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

Trong những năm qua được sự quan tâm của các cấp, các ngành, nền nông nghiệp huyện nhà bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy vậy sản xuất nông nghiệp trên địa bàn vẫn còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế cụ thể:

- Sản xuất nông nghiệp nói chung vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, tỷ lệ cơ giới hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất còn thấp, sản phẩm nông nghiệp chưa mang tính hàng hóa, sức cạnh tranh thấp.

- Mức độ “hấp thụ” chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đạt chưa cao so với mặt chung của tỉnh, một số chính sách đã được ban hành chưa phù hợp với thực tiễn dẫn đến mức hấp thụ chưa cao, đặc biệt là ở một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn của huyện tại Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 01/7/2016;

- Các mô hình phát triển còn chậm, số lượng ít, quy mô nhỏ, đặc biệt ứng dụng khoa học kỹ thuật và liên kết trong sản xuất chưa cao.

### **2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

#### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

- Điều kiện tự nhiên cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện không thuận lợi: Đất đai ít, hầu hết là cát trắng bạc màu, sản xuất nông nghiệp không chủ

động được tưới tiêu mà chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên là chính; thường xuyên ảnh hưởng của thiên tai như bão lũ, hạn hán...

- Diện tích đất nông nghiệp bình quân trên hộ sản xuất nhỏ nên sản xuất manh mún, năng suất, hiệu quả sản xuất thấp.

## **2.2 Nguyên nhân chủ quan**

- Tập quán sản xuất nông nghiệp truyền thống lạc hậu của người nông dân đổi mới còn chậm dẫn đến việc đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào khó khăn.

- Sự vào cuộc của chính quyền các cấp chưa thực sự quyết liệt, sâu sát, nhất là khâu tuyên truyền, vận động phát triển các mô hình để hấp thụ chính sách còn yếu.

- Các chính sách ban hành chưa sát với thực tiễn nền sản xuất nông nghiệp huyện nhà; việc ban hành các văn bản hướng dẫn để người dân hiểu và thực hiện còn chậm, thiếu cụ thể, hồ sơ thủ tục còn rườm rà...

## **C. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **1. Quan điểm**

Tập trung phát triển nền sản xuất nông nghiệp đồng bộ, toàn diện, bền vững; từng bước chuyển từ nông nghiệp truyền thống sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa liên kết theo chuỗi sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cao; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là kỹ thuật sản xuất công nghệ cao (nông nghiệp 4.0); tập trung thực hiện cuộc vận động chuyển đổi ruộng đất, tạo nên nhiều vùng sản xuất tập trung có hiệu quả, hạn chế ruộng đất bỏ hoang; đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động thực sự có hiệu quả; đẩy mạnh phát triển sản xuất phải gắn với bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân gắn với đẩy nhanh tiến độ xây dựng huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

### **2. Mục tiêu**

#### **2.1. Mục tiêu chung**

- Tốc độ tăng bình quân giá trị gia tăng nông, lâm, thủy sản trên 5%/năm; đến năm 2020, giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 2.000 tỷ đồng; giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích canh tác đạt trên 100 triệu đồng/ha;

- Đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt trên 50 triệu đồng/người/năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 3%; có 5/17 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới kiểu mẫu về văn hóa.

#### **2.2 Mục tiêu cụ thể:**

- Về lĩnh vực nông nghiệp: Phân đầu mỗi năm hình thành thêm được ít nhất 15 mô hình sản xuất nông nghiệp, trong đó: Mô hình lớn (doanh thu trên 1 tỷ đồng/năm) đạt ít nhất từ 02 mô hình; mô hình vừa (doanh thu từ 501 triệu đến 1 tỷ

đồng/năm) đạt ít nhất từ 05 mô hình; mô hình nhỏ (doanh thu từ 100 triệu đến 500 triệu/năm) đạt ít nhất từ 08 mô hình.

- Về lĩnh vực nông thôn mới, đô thị văn minh: Mỗi năm hình thành ít nhất 20 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh, 100 vườn đạt tiêu chí vườn mẫu.

#### **D. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH TRÊN ĐỊA BÀN GIAI ĐOẠN 2019-2020.**

#### **I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ, THỜI GIAN THỰC HIỆN, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng khu dân cư nông thôn mới, tổ dân phố văn minh trên địa bàn huyện.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (gọi chung là người sản xuất, đơn vị thực hiện) trên địa bàn huyện.

##### **3. Nguyên tắc hỗ trợ**

a) Ngoài chính sách hỗ trợ tại Đề án này, các đối tượng vẫn được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các văn bản quy định của Trung ương và của Tỉnh còn hiệu lực.

b) Chính sách được hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành và đi vào hoạt động. Riêng khoản 3 (phần I); khoản 4 (phần II); khoản 2 (phần 3) Đề án này được phân bổ hỗ trợ theo từng năm.

c) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng đối tượng, mục đích, đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

##### **4. Thời gian thực hiện**

Các nội dung hỗ trợ tại Đề án này được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai đồng thời hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng trong năm 2019 - 2020.

##### **5. Xây dựng kế hoạch và dự toán**

Hàng năm, căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nội dung, mức hỗ trợ được quy định tại Đề án này, các phòng liên quan, UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch và dự toán như sau:

a) Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn (gọi chung là cấp xã) xây dựng kế hoạch khối lượng và dự trù kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn (kèm theo tài liệu thuyết minh cụ thể về địa điểm, số lượng mô hình, kinh phí đề nghị hỗ trợ...); UBND cấp xã chủ động báo cáo HĐND cùng cấp xem xét, bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách (phần ngân sách xã đảm bảo) trong dự toán thu, chi ngân sách cấp xã hàng năm.

Thời gian nộp kế hoạch và dự toán: Chậm nhất là ngày 30/10 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã nộp kế hoạch và dự toán kinh phí của năm kế tiếp về phòng Nông nghiệp và PTNT xem xét, tổng hợp.

c) Các phòng: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng căn cứ chức năng quản lý nhà nước tổ chức rà soát, tổng hợp toàn bộ kế hoạch khối lượng và dự trù kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn toàn huyện trước ngày 10/11 hàng năm gửi phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo UBND huyện trình HĐND huyện xem xét bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách (phần ngân sách cấp huyện đảm bảo) trong dự toán thu, chi ngân sách cấp huyện hàng năm.

## **II. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Ngân sách huyện đảm bảo mức 80% cho thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn.

2. Ngân sách cấp xã đảm bảo mức 20% cho thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm.

3. Kinh phí quản lý, chỉ đạo, kiểm tra nghiệm thu: Thuộc ngân sách cấp nào thì do ngân sách cấp đó tự đảm bảo; mức chi do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với tính chất từng đợt kiểm tra cụ thể, nhưng tối đa không quá 2% tổng kinh phí ngân sách các cấp hỗ trợ.

## **III. GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ NGỮ VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT**

- “VietGAP” là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam.

- “VietGAHP” là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho chăn nuôi lợn, gà, bò sữa an toàn tại Việt Nam.

- Nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến: Là hình thức nuôi có độ sâu nước nuôi thường nhỏ hơn 1,2 m; mật độ thả thưa dưới 20 con/m<sup>2</sup> đối với tôm sú, dưới 60 con/m<sup>2</sup> đối với tôm thẻ chân trắng.

- Nuôi tôm thâm canh: Là hình thức nuôi có độ sâu nước nuôi từ 1,2 đến 2m; mật độ thả nuôi trên 20 con/m<sup>2</sup> đối với tôm sú, trên 60 con/m<sup>2</sup> đối với tôm thẻ chân trắng; có sử dụng sục khí hay quạt nước, thay nước chủ động, quản lý chăm sóc nghiêm ngặt.

- Nuôi tôm trên cát công nghệ cao: Thuộc vùng quy hoạch nuôi tôm trên cát được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có độ sâu nước nuôi từ 1,2 đến 2 m; mật độ thả nuôi đối với tôm thẻ chân trắng trên 120 con/m<sup>2</sup>; có sử dụng hệ thống sục khí, quạt nước, nước được lấy từ biển và thay nước chủ động, quản lý chăm sóc nghiêm ngặt.

- Giống lợn: Lợn nái ngoại cấp bố là lợn nái sinh sản có 100% máu lợn ngoại (như Landrace, Yorkshire...) và các tổ hợp lai ngoại khác. Lợn thịt phải là các giống lợn ngoại hướng nạc. Các hộ tự sản xuất con giống, liên kết với doanh nghiệp, đơn vị cung ứng con giống phải được kiểm định chất lượng giống.

- Chuồng trại chăn nuôi: Chuồng trại phải phù hợp với đặc điểm sinh lý của gia súc, gia cầm, đảm bảo tốc độ sinh trưởng nhanh, khả năng cho sản phẩm cao; đồng thời phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

- Vùng quy hoạch là vùng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để phát triển trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Đối với sản xuất quy mô trang trại phải được xây dựng trong các vùng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phải được xử lý môi trường theo quy định; đảm bảo khoảng cách từ trang trại, vùng trang trại chăn nuôi tập trung đến khu dân cư, công trình công cộng khác theo đúng quy định của UBND tỉnh.

- Đối với chăn nuôi gia trại, hộ gia đình xây dựng mới, nâng cấp chuồng trại phải có hệ thống xử lý môi trường đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật môi trường (có bể biogas, xử lý sinh học...) và các quy định hiện hành.

- Ngoài ra phải đảm bảo kỹ thuật theo quy định của đơn vị liên kết tổ chức sản xuất kinh doanh.

## **Đ. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **I. ĐỐI VỚI TRỒNG TRỌT**

#### **1. Rau, củ, quả sản xuất theo công nghệ cao**

Hỗ trợ làm nhà xưởng, chuyển giao kỹ thuật sản xuất rau củ quả công nghệ cao quy mô từ 1.000 m<sup>2</sup> trở lên có hợp đồng liên kết tiêu thụ, sản xuất ổn định trong ít nhất 02 năm trở lên. Mức hỗ trợ 100.000 đ/m<sup>2</sup>.

#### **2. Hỗ trợ tích tụ ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng**

Hỗ trợ 20 triệu đồng/ha cho tổ chức, cá nhân thuê đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang sản xuất các loại cây trồng mới cho giá trị thu nhập cao gấp 02 lần cây trồng cũ trở lên; quy mô từ 02 ha liền vùng trở lên; thời gian thuê đất 05 năm trở lên. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/tổ chức, cá nhân. Kinh phí hỗ trợ được nghiệm thu, phân bổ trong 03 năm đầu.

### **II. ĐỐI VỚI CHĂN NUÔI**

#### **1. Chăn nuôi lợn thương phẩm**

Hỗ trợ cho hộ gia đình chăn nuôi lợn thương phẩm để xử lý chất thải chăn nuôi bằng bể Biogas đối với các hộ nuôi quy mô từ 20 con đến 200 con/lứa. Định mức hỗ trợ nuôi 20 con/lứa được hỗ trợ 10 triệu đồng, tối đa không quá 100 triệu đồng/hộ, cơ sở;

#### **2. Chăn nuôi Bò**

2.1 Chăn nuôi bò lai Zêbu hướng thịt, bò chất lượng cao (bò Braman, Charolaise, 3B) quy mô nuôi từ 50 con/lứa trở lên theo hình thức liên kết; được hỗ trợ 02 triệu đồng/con, tối đa không quá 200 triệu đồng/hộ, cơ sở. Kinh phí được nghiệm thu phân bổ trong hai năm.

#### **3. Chăn nuôi Gà**



a) Chăn nuôi gà giống: Cơ sở xây dựng mới chăn nuôi gà giống cấp bố mẹ, có quy mô tối thiểu 2.000 con/lứa (được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền xác định là cơ sở sản xuất gà giống), cung cấp giống cho các hộ chăn nuôi gà thương phẩm trong huyện, được hỗ trợ kinh phí xây dựng chuồng trại, hệ thống xử lý môi trường và mua con giống. Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ, cơ sở.

b) Chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng cơ sở chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm được hỗ trợ kinh phí xây dựng chuồng trại và mua con giống đối với quy mô từ 1.000 con/lứa trở lên. Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/cơ sở cho quy mô 1.000 con, tối đa 60 triệu đồng/cơ sở.

c) Chăn nuôi gà thương phẩm: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng cơ sở chăn nuôi gà thả vườn, đồi (sử dụng giống gà địa phương, không tính gà dưới 7 ngày tuổi) được hỗ trợ xây dựng chuồng trại, hệ thống xử lý môi trường, mua con giống đối với quy mô từ 1.000 con/lứa trở lên. Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/cơ sở nuôi 1.000 con, tối đa không quá 60 triệu đồng/cơ sở.

4. Hỗ trợ 50% kinh phí mua vắc xin tiêm phòng các loại dịch bệnh nguy hiểm cho đàn gia súc, gia cầm (lở mồm long móng, tụ huyết trùng trâu bò; dịch tả, tụ huyết trùng lợn; cúm gia cầm H<sub>5</sub>N<sub>1</sub>, bệnh dại chó) định kỳ hàng năm cho các hộ gia đình nuôi quy mô nhỏ (trâu bò dưới 20 con/hộ; lợn dưới 100 con/hộ; gia cầm dưới 1.000 con/hộ). Nội dung này chỉ hỗ trợ khi không có chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh.

5. Hỗ trợ 1.000.000 đ (một triệu đồng/tháng) cho cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý giết mổ tại lò giết mổ tập trung.

### **III. ĐỐI VỚI NUÔI TRỒNG, ĐÁNH BẮT VÀ CHẾ BIẾN THỦY SẢN**

#### **1. Nuôi trồng thủy sản**

a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tích tụ ruộng đất nông nghiệp (đất giao theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ) của các hộ gia đình, cá nhân để chuyển sang cơ sở nuôi trồng thủy sản tập trung trong vùng quy hoạch nuôi trồng thủy sản mặn lợ tại địa bàn các xã: Xuân Phổ, Xuân Đan, Xuân Trường, Xuân Hội với quy mô diện tích ao nuôi thâm canh từ 01 ha trở lên, được hỗ trợ 20 triệu đồng/ha, mức hỗ trợ tối đa không quá 60.000.000 đồng/cơ sở.

#### **2. Hỗ trợ khai thác thủy sản, hậu cần nghề cá**

2.1. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đóng mới, cải hoán tàu cá; tàu dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khai thác hải sản, được hỗ trợ một lần như sau:

a) Đối với tàu công suất từ 400 CV trở lên, được hỗ trợ 150 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 75 triệu đồng.

b) Đối với tàu công suất từ 250 CV đến dưới 400 CV, được hỗ trợ 100 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 50 triệu đồng.

c) Đối với tàu công suất từ 90 CV đến dưới 250 CV, được hỗ trợ 60 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 30 triệu đồng.

2.2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng cơ sở thu mua và chế biến thủy hải sản trên 50 tấn/năm trở lên (có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho ngư dân

đảm bảo ổn định từ 02 năm trở lên), có đầu tư xây dựng nhà thu mua (hoặc chế biến), kho lạnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh môi trường, mức hỗ trợ 30 triệu đồng/cơ sở (hỗ trợ sau khi cơ sở đã đi vào hoạt động).

#### **IV. HỖ TRỢ SẢN XUẤT THEO QUY TRÌNH VIETGAP**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất theo quy trình VietGap, VietGAHP được hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá để xây dựng cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đạt quy trình sản xuất VietGap, VietGAHP. Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/cơ sở.

#### **V. HỖ TRỢ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH**

**1. Hỗ trợ xây dựng vườn mẫu, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh**

a) Hỗ trợ 10 triệu đồng cho hộ gia đình đăng ký, xây dựng hoàn thành tiêu chí vườn mẫu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Hỗ trợ 100 triệu đồng cho thôn, tổ dân phố đăng ký, xây dựng đạt tiêu chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (theo bộ tiêu chí do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định); đạt tiêu chuẩn tổ dân phố văn minh đô thị (theo bộ tiêu chí Ủy ban nhân dân huyện quy định). Số lượng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh không hạn chế số lượng.

#### **VI. HỖ TRỢ SẢN XUẤT SẢN PHẨM OCOP**

1. Hỗ trợ xây dựng hồ sơ công bố chất lượng, mã số mã vạch, thiết kế, xây dựng, in ấn mẫu hệ thống nhận diện thương hiệu sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên. Mức hỗ trợ 50 triệu đồng/sản phẩm.

2. Hỗ trợ cho công tác quản bá, xúc tiến thương mại (tham gia hội chợ), tiêu thụ sản phẩm 40 triệu đồng/sản phẩm.

#### **VI. KHAI TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

1. Tổng kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2019-2020, dự kiến: 13 tỷ đồng (*mười ba tỷ đồng chẵn*)

*Trong đó:*

- Ngân sách cấp huyện đảm bảo: 10,4 tỷ đồng

- Ngân sách cấp xã đảm bảo: 2,6 tỷ đồng

2. Ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã, dự kiến bố trí hàng năm, cụ thể như sau:

- Năm 2019 bố trí: 06 tỷ đồng.

*Trong đó:*

+ *Ngân sách cấp huyện: 4,8 tỷ đồng;*

+ *Ngân sách cấp xã: 1,2 tỷ đồng.*

- Năm 2020 bố trí: 07 tỷ đồng.

*Trong đó:*

+ *Ngân sách cấp huyện: 5,6 tỷ đồng;*

+ Ngân sách cấp xã: 1,4 tỷ đồng.

## **E. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung các chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện năm 2019 - 2020 đến tận toàn thể nhân dân được biết để tiếp cận các chính sách hỗ trợ.

2. Phát huy vai trò trách nhiệm, sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở; hàng năm phải giao chỉ tiêu cụ thể cho từng ban, ngành, đoàn thể, đảng viên, đoàn viên, hội viên xây dựng mô hình; các phòng ban chức năng được giao chỉ tiêu này lên kế hoạch cụ thể để thực hiện.

3. Xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể các nội dung hỗ trợ và các trình tự, thủ tục trong thực hiện chính sách hỗ trợ để các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân biết thực hiện.

4. Tiết kiệm chi thường xuyên, dành tối đa nguồn lực để thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện năm 2019 - 2020.

5. Tiếp tục thu hút đầu tư các dự án đầu kéo trong nông nghiệp để các hộ dân có điều kiện tham gia sản xuất quy mô tập trung, đồng thời hấp thụ được các chính sách của tỉnh, huyện.

### **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Trách nhiệm chung**

- Hàng năm, căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nội dung, mức hỗ trợ được quy định tại chính sách này, các phòng liên quan, UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức triển khai thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch và dự toán; đồng thời tham mưu UBND cùng cấp trình HĐND cùng cấp bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách phân ngân sách cấp mình đảm bảo trong dự toán thu, chi ngân sách hàng năm.

- Các phòng, ban, ngành có liên quan đến nội dung hỗ trợ trong chính sách chịu trách nhiệm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể việc xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm và các tiêu chí quy định của đề án, các trình tự, thủ tục hồ sơ hỗ trợ thuộc lĩnh vực phụ trách của phòng và chịu trách nhiệm đối với hiệu quả thực hiện chính sách liên quan đến lĩnh vực quản lý.

- Định kỳ mỗi mỗi quý một lần (vào cuối quý hằng năm) UBND xã, thị trấn có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện, những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách về UBND huyện (trực tiếp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo UBND huyện về kết quả thực hiện của các địa phương; tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách, kịp thời biểu dương khen thưởng những đơn vị thực hiện tốt và phê bình, nhắc nhở những đơn vị thực hiện không đạt kế hoạch giao.

## **2. Trách nhiệm cụ thể**

### **2.1. Các cơ quan trực thuộc UBND huyện**

#### **2.1.1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông**

Là cơ quan thường trực chính sách, chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND huyện trong việc triển khai, đôn đốc tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án, chịu trách nhiệm hướng dẫn về tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành. Phối hợp với các phòng liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Tham mưu UBND huyện ban hành quy định hướng dẫn thực hiện chính sách (quy định cụ thể về quy trình thực hiện hỗ trợ; điều kiện, hồ sơ thủ tục, thanh quyết toán kinh phí...) trên cơ sở đề xuất các phòng ban.

- Phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch và các ngành liên quan thực hiện thẩm định, nghiệm thu mô hình thực hiện chính sách, phân bổ, kiểm tra nguồn kinh phí thực hiện chính sách hàng năm, đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.

#### **2.1.2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Chịu trách nhiệm tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí thực hiện chính sách từ các nguồn: Vốn chính sách ngành nông nghiệp, sự nghiệp nông nghiệp, vốn lồng ghép chương trình mục tiêu..; tham mưu UBND huyện bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách (phần ngân sách cấp huyện đảm bảo) trong dự toán thu, chi ngân sách huyện hàng năm; Hướng dẫn, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn dự trù, bố trí kinh phí thực hiện chính sách (phần ngân sách cấp xã đảm bảo) trong dự toán thu, chi ngân sách cấp xã hàng năm;

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan trong tổ chức thẩm định, nghiệm thu theo quy định về hỗ trợ mô hình thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn giai đoạn 2019 - 2020.

#### **2.1.3. Văn phòng điều phối Nông thôn mới huyện**

Chịu trách nhiệm hướng dẫn về tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành; phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng, ban, ngành liên quan tham mưu UBND huyện bố trí lồng ghép nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới để thực hiện Đề án; tham gia thẩm định, nghiệm thu mô hình thực hiện chính sách, phân bổ, kiểm tra nguồn kinh phí thực hiện chính sách hàng năm, đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.

#### **2.1.4. Phòng Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan và chính quyền các cấp hướng dẫn, giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định của Pháp luật. Phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng chuyên môn liên quan thực hiện thẩm định, nghiệm thu mô hình thực hiện chính sách, phân bổ, kiểm tra nguồn kinh phí thực hiện chính sách hàng năm, đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.

### **2.1.5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng**

Chủ trì phối hợp với các phòng, ban chuyên môn liên quan cấp huyện, UBND các xã, thị trấn hướng dẫn chủ mô hình thực hiện các nội dung liên quan đến đầu tư xây dựng mô hình thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước do phòng phụ trách như: Lập quy hoạch chi tiết mặt bằng sử dụng đất, lập dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật và dự toán hạng mục công trình và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án của chủ mô hình; đồng thời chủ trì thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và cấp giấy phép xây dựng theo quy định.

### **2.1.6. Trung tâm UDKH&BVCTVN huyện**

Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Tài chính - Kế hoạch bố trí lồng ghép kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học & công nghệ hàng năm để thực hiện Đề án, chịu trách nhiệm hướng dẫn ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp cho các mô hình sản xuất đảm bảo tiêu chí quy định.

### **2.1.7. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện**

Tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng để các địa phương, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân biết để tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách này.

## **2.2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn**

- Chịu trách nhiệm tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung các chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện năm 2019 - 2021 đến tận toàn thể nhân dân.

- Thành lập Ban chỉ đạo phát triển mô hình và phân công rõ vai trò trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân của địa phương trong việc tuyên truyền, vận động, tư vấn xây dựng mô hình mới và đầu tư mở rộng các mô hình trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch khối lượng và dự trù kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn (kèm theo tài liệu chứng minh cụ thể về địa điểm, số lượng mô hình, kinh phí đề nghị hỗ trợ ...) gửi về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Chủ động báo cáo HĐND cùng cấp xem xét, bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách (phần ngân sách xã đảm bảo) trong dự toán thu, chi ngân sách cấp xã hàng năm.

đ) Tổ chức kiểm tra, rà soát, hướng dẫn mô hình thực hiện chính sách hoàn thiện hồ sơ gửi về UBND huyện để làm cơ sở tổ chức thẩm định, nghiệm thu hỗ trợ.

e) Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm theo đúng quy định.

g) Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện theo quy định.

**2.3. Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh được nhà nước hỗ trợ kinh phí**

Tổ chức sản xuất, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. Hoàn thiện hồ sơ liên quan nghiệm thu hưởng chính sách gửi Ủy ban nhân dân xã theo quy định. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả.

**2.4. Các cơ quan liên quan:** Theo chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện đúng quy định.

Trên đây là Đề án một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện năm 2019 - 2020, đề nghị Kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết nghị. /.

**Nơi nhận:**

- TTr Huyện uỷ, TTr HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND, TT UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban, phòng Huyện uỷ, UBND huyện;
- Các ban, ngành, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, TCKH
- Gửi văn bản giấy và điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

